

Không ghi
vào khu vực này

**GIẤY NỘP TRẢ KINH PHÍ CHO NGÂN
SÁCH CẤP TRÊN**

Mẫu số C2-05b/NS
(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày
31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài
Chính)
Số: 01 Năm NS: 2024

Cơ quan tài chính/UBND cấp xã: UBND xã Long Môn

Đề nghị KBNN: Huyện Minh Long

Trích tài khoản chi chuyển giao ☒ hoặc giảm thu chuyển giao ☐
theo Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND
xã Long Môn

PHÂN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,ĐA	Số tiền
Dự án 3 -Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	7702	860	433	00	00473	32.100
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	7702	860	433	00	00511	460.000.000
Dự án 3: Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	7702	860	433	00	00513	528.440.000
Dự án 3: Tiểu dự án 2: Hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi ngiệp và kinh doanh đầu tư	7702	860	433	00	00513	1.101.000
Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	7702	860	433	00	00518	61.400.000
Nội dung 6: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết nối, đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ ...trong đó ưu tiên thương mại điện tử.	7702	860	433	00	00493	1.389.920
Tổng cộng						1.052.363.020

Đồng thời hạch toán tăng thu NSNN cấp trên khi đã quyết toán NSNN ☐ hoặc
giảm chi NS cấp trên ☐

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,ĐA	Số tiền
Dự án 3 -Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	4702	760	000	00	00000	32.100
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4702	760	000	00	00000	460.000.000

Dự án 3: Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	4702	760	000	00	00000	528.440.000
Dự án 3: Tiểu dự án 2: Hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và kinh doanh đầu tư	4702	760	000	00	00000	1.101.000
Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	4702	760	000	00	00000	61.400.000
Nội dung 6: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết nối, đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ ...trong đó ưu tiên thương mại điện tử.	4702	760	000	00	00000	1.389.920
Tổng cộng						1.052.363.020

Tổng số tiền ghi bằng chữ: (Một tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm hai mươi đồng).

CƠ QUAN TÀI CHÍNH/UBND CẤP XÃ

Ngày 18 tháng 2 năm 2025

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên)

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Đinh Văn Hoa

Đinh Tiến Phong

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

KẾ TOÁN

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN

Không ghi
vào khu vực này

**GIẤY NỘP TRẢ KINH PHÍ CHO NGÂN
SÁCH CẤP TRÊN**

Mẫu số C2-05b/NS
(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày
31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài
Chính)
Số: 02 Năm NS: 2024

Cơ quan tài chính/UBND cấp xã: UBND xã Long Môn
Đề nghị KBNN: Huyện Minh Long
Trích tài khoản chi chuyển giao ☐ hoặc giảm thu chuyển giao ☒
theo Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND
xã Long Môn

PHẦN KBNN GHI	
Nợ TK:	7.311
Có TK:	8.311
Mã ĐBHC:	

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,DA	Số tiền
Kinh phí giao đầu năm tại quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện Minh Long	4651	860	000	00	00000	95.973.371
Kinh phí chi trả trợ cấp BTXH theo Quyết định 20/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh	4654	860	000	00	00000	5.000.000
Kinh phí cấp bù giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024	4654	860	000	00	00000	1.000
Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2024	4654	860	000	00	00000	5.000
Kinh phí thực hiện NQ 12 (Tổ AN CS)	4654	860	000	00	00000	19.023.790
Kinh phí quỹ khen thưởng năm 2024	4654	860	000	00	00000	51.800
Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.	4654	860	000	00	00000	19.457.500
Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình.	4654	860	000	00	00000	76.200
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất nước sinh hoạt	4654	860	000	00	00000	535.060.000
Dự án 3-Tiểu dự án 1: phát triển kinh tế nông lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	4654	860	000	00	00000	2.265.490.000

Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	4654	860	000	00	00000	3.600.000
Dự án 10-Tiểu dự án 3: Kiểm tra giám sát đánh giá đào tạo tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	4654	860	000	00	00000	10.500
Nội dung thành phần 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá người dân thôn, bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá truyền thống	4654	860	000	00	00000	400.000
Vốn đầu tư phát triển: Bê tông xi măng đường suối Cà Eo đến đập đoàn 3 (Giai đoạn 2)	4654	860	000	00	00000	23.094.000
Tổng cộng						2.967.243.161

Đồng thời hạch toán tăng thu NSNN cấp trên khi đã quyết toán NSNN ☐ hoặc giảm chi NS cấp trên ☐

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Mã CTMT,DA	Số tiền
Kinh phí giao đầu năm tại quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện Minh Long	7301	760	431	00	00000	95.973.371
Kinh phí chi trả trợ cấp BTXH theo Quyết định 20/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh	7304	760	432	00	00000	5.000.000
Kinh phí cấp bù giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024	7304	760	432	00	00000	1.000
Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2024	7304	760	432	00	00000	5.000
Kinh phí thực hiện NQ 12 (Tổ AN CS)	7304	760	432	00	00000	19.023.790
Kinh phí quỹ khen thưởng năm 2024	7304	760	432	00	00000	51.800
Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.	7304	760	432	00	00472	19.457.500
Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình.	7304	760	432	00	00477	76.200

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất nước sinh hoạt	7304	760	432	00	00511	535.060.000
Dự án 3-Tiểu dự án 1: phát triển kinh tế nông lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	7304	760	432	00	00513	2.265.490.000
Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	7304	760	432	00	00518	3.600.000
Dự án 10-Tiểu dự án 3: Kiểm tra giám sát đánh giá đào tạo tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	7304	760	432	00	00521	10.500
Nội dung thành phần 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá người dân thôn, bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá truyền thống	7304	760	432	00	00496	400.000
Vốn đầu tư phát triển: Bê tông xi măng đường suối Cà Eo đến đập đoàn 3 (Giai đoạn 2)	7304	760	432	00	00514	23.094.000
Tổng cộng						2.967.243.161

Tổng số tiền ghi bằng chữ: (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm sáu mươi một đồng).

CƠ QUAN TÀI CHÍNH/UBND CẤP XÃ

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên)

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

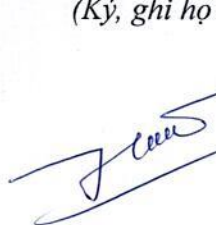
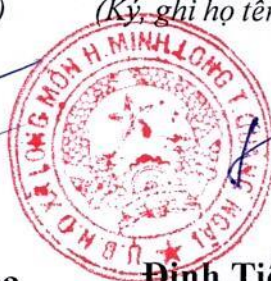
Ngày 17 tháng 2 năm 2025

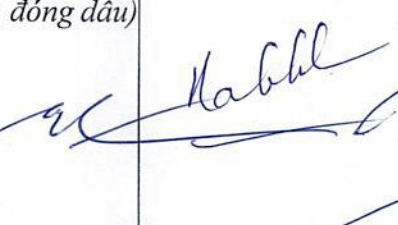
KẾ TOÁN

KẾ TOÁN

TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Đinh Văn Hoa


Đinh Tiến Phong



KẾ TOÁN